

BÁO CÁO

Thực hiện công tác công khai đối với cơ sở giáo dục năm học 2023-2024

Thực hiện Thông tư số 90/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD và Đào tạo, thông tư quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở Giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Thông tư 90/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ tài chính, Thông tư hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thực hiện Thông tư 09/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2024 thông 4 quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, của BGDĐT.

Trường Tiểu học Vinh Hòa A báo cáo kết quả thực hiện công khai tại đơn vị năm học 2023-2024 cụ thể như sau:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a. Cam kết chất lượng giáo dục

Công khai cụ thể kế hoạch tuyển sinh năm học 2023-2024 thông qua hệ thống loa truyền thanh của xã, qua kế hoạch tuyển sinh niêm yết tại trường, cổng thông tin điện tử và qua thư mời nhập học gửi tới tận nhà phụ huynh có con em 6 tuổi ra lớp 1.

Công khai cụ thể việc phối hợp giáo dục giữa gia đình và nhà trường vào cuộc họp PHHS đầu năm học. Cụ thể các biện pháp phối hợp như thông qua phiếu liên lạc, điện thoại, gặp gỡ trực tiếp giữa giáo viên và phụ huynh, nhà trường và phụ huynh.

Thông báo các điều kiện cơ sở vật chất, tình hình đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, phương pháp quản lý giáo dục học sinh của nhà trường trong năm học mới thông qua đại hội PHHS lớp, trường đầu năm học.

b) Chất lượng giáo dục thực tế

Thông báo kết quả chất lượng giáo dục của lớp, của trường trong năm học 2023-2024, thông qua cuộc họp PHHS cuối năm học, và đầu năm học 2024-2025, niêm yết báo cáo tại văn phòng nhà trường, bảng tin khu vực cổng trường và trên cổng thông tin điện tử của trường.

c) Công khai kết quả phấn đấu trường đạt chuẩn quốc gia

Tự đánh giá đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và chuẩn quốc gia mức độ 1 theo thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018. Thông tư ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.

Nội dung này được công khai thông qua họp PHHS lớp; báo cáo gửi cấp trên; niêm yết công khai.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục

Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng.

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên. Về số lượng, chất lượng.

Tất cả các nội dung trên được thông báo cụ thể thông qua cuộc họp HĐSP, họp PHHS đầu năm, niêm yết công khai tại văn phòng, tại bảng tin khu vực cổng trường, cổng thông tin điện tử của trường.

3. Công khai thu chi tài chính

a) Thu chi trong ngân sách năm 2023

STT	Nội dung	Dự toán được giao	Dự toán đã sử dụng	Dự toán còn lại
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.127.883.725	8.061.672.746	66.210.979
	Tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm		6.491.123.546	
	Phúc lợi tập thể		4.781.440	
	Thanh toán dịch vụ công cộng, thông tin, tuyên truyền, liên lạc		93.256.386	
	Sửa chữa, vật tư văn phòng, hoạt động chuyên môn		710.910.763	
	Công tác phí		50.302.000	
	Chi khác		711.298.611	
2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	2.204.507.033	1.466.417.582	738.089.451
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân, phụ cấp lương		1.265.386.302	
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		1.200.000	
	Chi khác (tết, lễ 20/11, hỗ trợ chi phí học tập, xa nhà)		199.831.280	
3	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	656.101.769	645.141.321	10.960.448
	Tổng cộng	10.988.492.527	10.173.231.649	815.260.878

b) Thu hộ chi hộ

STT	Loại quỹ	Thu	Chi	Tồn	Ghi chú
1	Phục vụ bán trú	569.560.000	569.560.000	0	
2	Thực phẩm ăn bán trú	2.178.892.713	2.178.892.713	0	
3	Kinh phí xin thu phục vụ lại học sinh (BHYT)	464.753.700	464.753.700	0	
4	Tiền 2 buổi/ngày	729.536.500	729.536.500	0	
5	CSSKBĐ	151.472.448	7.022.000	144.450.448	Năm trước sang

4. Dự thảo các khoản thu – chi năm 2024-2025

a) Thu chi trong ngân sách

a) Thu chi trong ngân sách

STT	Nội dung	Dự toán được giao	Dự toán đã sử dụng	Dự toán còn lại
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.702.887.000	9.702.887.000	0
	Tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm		8.748.723.000	
	Phúc lợi tập thể		12.072.000	
	Mua sắm vật tư văn phòng		105.309.118	
	Mua sắm vật tư dùng cho chuyên môn		142.730.000	
	Thanh toán dịch vụ công cộng, thông tin, tuyên truyền, liên lạc		51.100.000	
	Sửa chữa, duy tu tài sản		224.000.000	
	Công tác phí		72.000.000	
	Hoạt động phong trào của học sinh		272.230.000	
	Chi khác		74.722.882	
2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	1.746.549.000	1.746.549.000	0
	Chi thừa giờ, GV dạy ngoài trời		820.153.800	
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		66.295.200	
	Chi khác (tết, hỗ trợ chi phí học tập, 20/11, xa nhà)		189.300.000	
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		1.800.000	
	Đi học		19.000.000	
	Mua sắm tài sản		650.000.000	
	Tổng cộng	11.449.436.000	11.449.436.000	0

b. Kinh phí bảo hiểm y tế.

Thực hiện công văn số 01/HD-GDĐT -BHXH ngày 20 tháng 08 năm 2024 về việc thực hiện BHYT học sinh năm học 2024 – 2025.

Tt	Loại quỹ	Số tiền	Hình thức
1	Bảo hiểm y tế (Bắt buộc)	Khối 1: 1.106.650 đồng/HS/15 tháng; Khối 2, 3, 4, 5: 884.520 đồng/HS/12 tháng	Quỹ do nhà trường thu hộ cho bảo hiểm xã hội. Lớp 1 đóng 15 tháng, tùy theo tháng sinh.

Dự thu: 552.919.771 đồng

Dự chi

Được trích lại chăm sóc sức khỏe ban đầu (dự kiến): 27.645.989 đồng

Hỗ trợ người thu: 11.058.395đ. (Chi trả cho những cá nhân tham gia làm hồ sơ quyết toán với bảo hiểm xã hội).

Căn cứ vào số thẻ BHYT đã phát hành cho học sinh, kinh phí chi chăm sóc sức khỏe ban đầu bằng 5% tổng thu quỹ BHYT tính trên tổng số học sinh đóng thực tế đang theo học tại nhà trường.

c. Kinh phí học buổi 2.

Thực hiện theo Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 05 năm 2023 của HĐND tỉnh Bình Dương

Chế độ miễn giảm thực hiện theo khoản 6 điều 1 của NQ 01/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

Thu theo sự thỏa thuận đóng góp của Phụ huynh học sinh. 4.000đ/tiết/tháng/năm học (đối với lớp 1-5).

a) Dự thu:

Dự kiến thu 747 học sinh x 4.000đ/tiết x tổng số tiết của từng khối.

Thu theo tháng thực tế học tập trung.

b) Dự chi:

- Sau khi trừ 2% thuế TNDN sẽ chi như sau:

- Chi giáo viên trực tiếp dạy lớp buổi 2: 80% tổng thu/ lớp.

- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất: 10%/tổng thu/ toàn trường (sửa chữa cơ sở vật chất, vật tư chuyên môn phục vụ học sinh, văn phòng phẩm phục vụ trực tiếp cho học sinh...).

- Chi quản lý/ tổng thu toàn trường: 10 % tổng thu. (Hiệu trưởng 1.7%, Phó hiệu trưởng 1.7%, kế toán 1.5%, thủ quỹ 1.5%, (bảo vệ 1% phục vụ 0,9%).

Nội dung này nhà trường thu và chi theo sự thỏa thuận của phụ huynh và quyết toán với cấp trên.

d Kinh phí tổ chức bán trú

Thu:

Thu tiền ăn bán trú 29.000 đ/ngày (Bữa trưa: 23.000đ; bữa xế: 6.000đ). Học sinh nghỉ ăn bán trú nếu cắt cơm trước 01 ngày sẽ được trả lại 27.000đ/ngày.

Phục vụ bán trú: 145.000 đồng/tháng

Các khoản thu khác thực hiện theo Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 05 năm 2023 của HĐND tỉnh Bình Dương và thống nhất theo thỏa thuận cùng phụ huynh theo mức thu 145.000 đồng/học sinh/tháng. Nếu học sinh nghỉ ăn bán trú từ ½ số ngày trong tháng liên tục trở lên thì được trả lại ½ số tiền (72.500 đ), còn ít hơn ½ số ngày và nghỉ không liên tục nhà trường sẽ không trả lại tiền.

Các khoản chi sửa chữa nhà bếp, mua bổ sung dụng cụ nhà bếp, tiền điện, nước nhà bếp, xà bông, vật dụng khác... dùng cho nhà bếp nhà trường chi trong tiền ngân sách nhà nước.

Các khoản chi trên là dự chi trong một tháng, tuy nhiên tùy theo tình hình thực tế chi, nhà trường sẽ có điều chỉnh để đảm bảo số tiền đã thu 145.000/tháng.

b) Dự kiến mức chi

Dự kiến tổng số tiền thu: $450 \text{ học sinh} \times 188.500 \text{ đồng/tháng} \times 9 \text{ tháng} = 763.425.000 \text{ đồng}$

Chi nộp thuế TNDN 2% trên tổng thu với số tiền dự kiến 15.268.500 đồng

Công cấp dưỡng: 61.400 đ/học sinh/tháng,, cụ thể như sau:

Bếp trưởng: 7.689.735 đồng/tháng. (Bậc 6) (đã bao gồm BHXH, BHYT, BHTN)/1 người.

Nhân viên nấu: 6.643.620 đồng/tháng (Bậc 3) (đã bao gồm BHXH, BHYT, BHTN)/ 3 người.

Công bảo mẫu: 62.000 đồng/học sinh/tháng/ tổng số xuất ăn của từng lớp cho từng giáo viên. Trung bình 1 tháng: $62.000\text{đ} \times 30 \text{ hs} = 1.860.000$. (Theo danh sách từng lớp).

Công quản lý: 21.000 đồng/học sinh/tháng/ tổng số xuất ăn toàn trường. Trung bình 1 tháng: $21.000\text{đ} \times 450 \text{ hs} = 9.450.000/10 \text{ người} = 945.000\text{đ}$. Tăng so với năm 2023-2024: 405.000 đ. (Theo danh sách toàn trường).

+ Tiền gas, vật liệu vệ sinh (nước rửa chén, nước tẩy rửa bếp, bùi nhùi rửa chén, chà nồi, bịch ninong đựng sữa, bao tay rửa chén, bao tay chia thực phẩm, khẩu trang): 40.330 đ/học sinh/tháng. Chi theo số tiền phát sinh thực tế trên hóa đơn hàng tháng. Tổng tiền chi gas, vật liệu vệ sinh: 175.486.500 đồng

c. Vệ sinh trường lớp.

Căn cứ Nghị Quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 05 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Bình Dương về việc quy định các khoản thu và mức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Nhà trường thuê 01 người nhân viên phục vụ thực hiện những công việc sau: Cắt tỉa, chăm sóc cây kiểng trong khuôn viên trường. Quét xung quanh trường (đường phòng cháy) quét, dọn vệ sinh khu sân bóng, khu vui chơi, sau nhà ăn và các khu vực khác khi được phân công.

Chi trả từ nguồn phụ huynh đóng góp 9 tháng học, còn 03 tháng nghỉ hè nhà trường sẽ thuê từ nguồn ngân sách nhà nước.

Căn cứ tình hình thực tế tại trường thống nhất thoả thuận cùng phụ huynh mức thu 9.000 đồng/học sinh/tháng.

Dự kiến tổng số tiền thu: $750 \text{ học sinh} \times 9.000 \text{ đồng/tháng} \times 9 \text{ tháng} = 60.750.000 \text{ đồng}$

Căn cứ vào Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 về mức lương tối thiểu từ ngày 01/7/2022 áp dụng với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động với số tiền là: 1 người x 6.431.880 đồng/tháng x 9 tháng = 57.886.920 đồng

Chi mua vật tư vệ sinh cho người hợp đồng lao động (như chổi, bao tay, khẩu trang): 150.000 đồng/tháng x 9 tháng = 1.350.000 đồng

Chi mua dụng cụ vệ sinh (Cây lau nhà, thùng rác, chổi cỏ, khăn lau bàn ghế... cho người ký hợp đồng lao động sử dụng vào nhiệm vụ, công việc được giao): 168.120 đồng/tháng x 9 tháng = 1.513.080 đồng

Các khoản thu vệ sinh phí, buổi 2 và phục vụ bán trú, nếu có và bản của các cấp về việc điều chỉnh thì nhà trường sẽ hợp thông qua kế hoạch thu chi.

5. Thông qua quy chế chi tiêu nội bộ Từ nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước năm 2024 (có bản đính kèm). Đã thống nhất từ tháng 01/2024 và tiếp tục thực hiện, không có điều chỉnh, bổ sung.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhà trường thực hiện đầy đủ các nội dung về công khai theo quy định. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh nhất trí cao.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục năm học 2024-2025 của Trường tiểu học Vĩnh Hòa A./.

Nơi nhận:

-Phòng GDĐT;
-UBND xã;
-Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Mai Nguyệt